



MARKET LENS

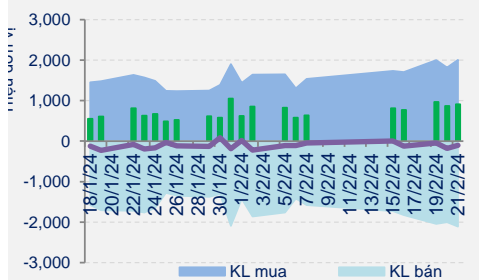
Phiên giao dịch ngày: 21/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

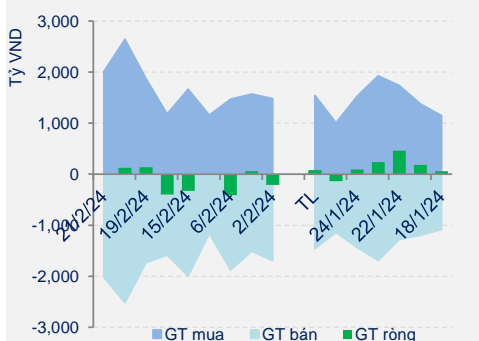
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,230.04	233.84
% Thay đổi	↓ 0.00%	↑ 0.15%
KLGD (CP)	911,247,737	76,064,993
GTGD (tỷ đồng)	22,536.69	1,443.00
Tổng cung (CP)	2,110,132,996	144,763,300
Tổng cầu (CP)	2,007,899,904	109,958,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	70,905,943	3,250,107
KL mua (CP)	85,277,719	1,389,624
GT mua (tỷ đồng)	2,010.96	32.31
GT bán (tỷ đồng)	2,018.25	72.67
GT ròng (tỷ đồng)	(7.28)	(40.36)

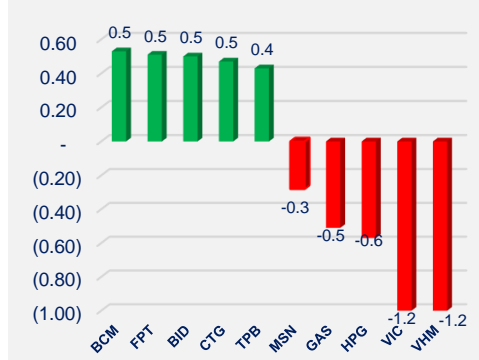
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 07 phiên liên tiếp tăng điểm hướng đến vùng kháng cự đỉnh cũ tháng 08, 09/2023 quanh 1.235 điểm -1.255 điểm, VN-INDEX bắt đầu chịu áp lực rung lắc mạnh khi đầu phiên điều chỉnh rung lắc về vùng giá quanh 1.220 điểm và phục hồi tích cực trở lại khi lực cầu vẫn xoay vòng tốt sau các mã ngân hàng. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,02 điểm về mức 1.230,04 điểm. HNX-INDEX tăng 0,35 điểm (+0,15%) lên mức 233,84 điểm. Áp lực bán tăng mạnh hơn khiến cho độ rộng nghiêng về tiêu cực với 352 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 320 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 122 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 23.969.06 tỷ đồng, tăng 4,9% so với phiên trước, trên mức trung bình. Thị trường phân hóa mạnh hơn khi dòng tiền vẫn đang luân chuyển giữa các mã/nhóm mã. Khối ngoại giảm tăng giao dịch, bán ròng trên HOSE với giá trị 7 tỷ đồng chủ yếu là chứng chỉ quỹ ETF, mua ròng khá đột biến ở một số cổ phiếu ngân hàng như STB, TPB..., bán ròng khá mạnh trên HNX với giá trị 40,36 tỷ đồng.

Phát biểu kết luận Hội nghị đẩy mạnh tín dụng ngân hàng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2024, Phó Thống đốc Đào Minh Tú cho biết hiện nay nền kinh tế đang có xu hướng ổn định và có một số tín hiệu tích cực, bởi vậy, ít nhất trong nửa đầu năm 2024 Ngân hàng Nhà nước tiếp tục duy trì các mức lãi suất điều hành như hiện nay. Trong quý I/2024 sẽ công bố kéo dài Thông tư 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ. Nhấn mạnh quyết định điều hành xuyên suốt của Ngân hàng Nhà nước là duy trì chính sách tiền tệ ổn định nhưng không cố định mà điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và thế giới.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau giai đoạn chịu áp lực điều chỉnh đã phục hồi tích cực trở lại với nhiều mã có diễn biến tăng giá tích cực vượt vùng đỉnh gần nhất, thanh khoản gia tăng mạnh, nổi bật như TPB (+4,00%), STB (+2,61%), VAB (+2,50%)... trong khi đa số vẫn tích lũy trong biên độ hẹp, thanh khoản ở mức trung bình, có ảnh hưởng luân chuyển giữ nhà đầu tư trong khi các cổ phiếu VIC (-2,58%), VHM (-2,49%)... chịu áp lực điều chỉnh sau những phiên tăng mạnh.

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán sau phiên giao dịch khá tích cực trước đa số chịu áp lực điều chỉnh, duy trì tích lũy biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình với VND (-1,74%), MBS 1,10%), SSI (-0,99%)... FTS (+1,17%), VIX (+0,27%), HCM (+0,19%)...

Các nhóm ngành khác cũng phân hóa khi đa phần giảm điểm nhưng vẫn có những mã tích cực điển hình như ngành bất động sản, KCN với F (+5,42%), SJS (+4,06%), KDH (+3,47%), TIP (+6,93%), VGC (+6,62%), IDV (+3,19%), BCM (+3,13%) ngành hóa chất với CSV (+6,91%), DG (+3,04%)...săm lốp với DRC (+4,27%)..., bán lẻ với FRT (+3,4%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 giảm 0,2 điểm (-0,02%) chênh lệch âm mở rộng -2,08 điểm so với VN30 cho thấy tâm tư ngắn hạn đang có tín hiệu đảo chiều, sau giai đoạn rất lác quạn. Khối lượng giao dịch tăng mạnh 46,18% so với phiên trước, lên mức trung bình thể hiện đóng các vị thế mua gia tăng và có thể sang bán ngắn hạn. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.225 điểm, vùng kháng cự mạnh 1.240 điểm -1.262 điểm tương ứng đỉnh cũ tháng 08, 09/2023. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch dương từ 0,32 điểm đến -6,58 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đóng các vị thế mua khi VN30 gặp vùng kháng cự mạnh, gia tăng phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn ngắn hạn khi VN30 vẫn trong vùng quá mua ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Đà tăng của thị trường đã chứng lại khi VnIndex đang tiến sát tới vùng cản mạnh 1.250 mặc dù trong phiên hôm nay VnIndex gần như đi ngang nhưng rủi ro điều chỉnh của thị trường đang tăng lên. Chốt phiên VnIndex giảm nhẹ -0,02 điểm và đóng cửa ở 1.230,04 điểm. Trong ngắn hạn khả năng thị trường có rung lắc và điều chỉnh mạnh đang tăng cao, về trung hạn VnIndex đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150-1.250.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường trong nhịp tăng đầu tiên để vận động trong kênh tích lũy rộng và hiện tại VnIndex đã rất tích cực khi sắp tiệm cận ngưỡng cản mạnh trung hạn 1.250, vận động tích cực của thị trường luôn được chúng tôi dự báo và khuyến nghị, tuy nhiên thời điểm hiện tại đà tăng của VnIndex đang gặp thử thách thực sự khi chỉ số này đang tiệm cận cản mạnh 1.250, nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ giao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong thời gian qua xác nhận VnIndex đang dần vận động để hình thành kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150-1.250. Hiện tại VnIndex gần như tiệm cận vùng cản trên của kênh tích lũy nên rủi ro trong ngắn và trung hạn đang tăng lên.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định nhưng tăng trưởng GDP năm 2023 không đạt mục tiêu dù đà tăng trưởng đang có xu hướng được cải thiện, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Pháp, Đức, Hà Lan, Anh... Điểm tích cực là tình hình lạm phát đã bình ổn và FED đã phát tín hiệu dừng tăng lãi suất đồng thời để ngỏ khả năng khởi động chu kỳ giảm lãi trong năm 2024. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường vận động tích cực và VnIndex đã vượt lên trên cản tâm lý ngắn hạn 1.200 và tiệm cận cản mạnh 1.250 như chúng tôi đã kỳ vọng và dự báo, chúng tôi cũng đã có khuyến nghị cho những nhà đầu tư ngắn hạn tích cực giải ngân trong giai đoạn trước. Hiện tại VnIndex đã gần tiệm cận cản mạnh 1.250 trong bối cảnh tâm lý khá hưng phấn do đó rất có thể thị trường sẽ có rung lắc và điều chỉnh trong thời gian tới, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nhịp tăng của kênh tích lũy nhưng đã tiệm cận cản trên nên rủi ro cũng đang tăng lên, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định và ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân trung dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi khuyến nghị nếu nhà đầu tư trung hạn muốn giải ngân nên kiên nhẫn chờ đợi nhịp điều chỉnh.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: n giao dịch ngày:

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	35.00	31-33	38-39	29	25.7	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
DCM	34.60	31-32	36-37	30	16.5	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.50	27.5-28.3	31-32	26	27.4	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
PVS	36.90	36.8-37.8	40-41	35	20.4	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.70	22.3	28-28.5	25	19.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	56.40	45.1	56-58	53	25.1%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.50	27.55	30-31	28	3.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.30	18.09	23-24	19	6.7%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Tính đến giữa tháng 2/2024, Việt Nam xuất siêu 5,1 tỷ USD

Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Hải quan, lũy kế từ ngày 1/1 đến hết ngày 14/2/2024, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 82,56 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng thời gian năm 2023; trong đó, xuất khẩu hàng hóa đạt tổng trị giá gần 43,83 tỷ USD, tăng 21,6% so với cùng thời gian năm 2023 và nhập khẩu hàng hóa đạt tổng trị giá 38,73 tỷ USD, tăng 12,4%. Như vậy, tính từ đầu năm 2024 đến hết ngày 14/2, cán cân thương mại của Việt Nam xuất siêu 5,1 tỷ USD.

Chuẩn bị khởi công đường kết nối Khánh Hoà - Lâm Đồng - Ninh Thuận 1.930 tỷ đồng

Ngày 20/2, ông Phạm Văn Hòa, Phó Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa cho biết, dự án tuyến đường giao thông kết nối Khánh Hoà - Lâm Đồng - Ninh Thuận dự kiến động thổ vào đầu tháng 3/2024. Dự án đường tính từ quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656, kết nối 3 tỉnh có quy mô đường cấp III, chiều dài khoảng 56,7 km, tổng mức đầu tư 1.930 tỷ đồng, từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Tăng quy mô gói tín dụng ưu đãi lâm thủy sản lên 30.000 tỷ

Trong năm 2023, gói vay ưu đãi 15.000 tỷ đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản này được chính thức ban hành vào ngày 14/7/2023 và có thời gian triển khai đến hết 30/6/2024 với lãi suất cho vay thấp hơn tối thiểu 1 - 2%/năm so với lãi vay bình quân cùng kỳ hạn của chính ngân hàng cho vay áp dụng trong từng thời kỳ. Đây được xem là gói vay khá thành công trong năm 2023 khi đây là chương trình vay ưu đãi duy nhất đã giải ngân hoàn thành 100% mục tiêu của chương trình cho trên 6.000 lượt khách hàng vay vốn. Kết luận tại hội nghị về phát triển tín dụng năm 2024 diễn ra sáng 20/2, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã thống nhất việc sẽ tăng gấp đôi quy mô gói tín dụng ưu đãi cho lâm thủy sản từ 15.000 tỷ đồng lên 30.000 tỷ đồng với sự tham gia của các ngân hàng hiện có.

Sản lượng tôm của Trung Quốc có thể giảm trong năm 2024

Dự báo được đưa ra tại Hội nghị Thị trường Thủy sản Toàn cầu (GSMC) diễn ra vào hồi tháng 1 cho biết, sản lượng tôm Trung Quốc có thể giảm từ 1,15 triệu tấn xuống 1,1 triệu tấn. Trong đó, sản lượng tôm của Trung Quốc bao gồm 1 triệu tấn tôm thẻ chân trắng và 150.000 tấn tôm sú. Nguyên nhân chủ yếu do giá tôm nhập khẩu quá thấp đang gây thiệt hại cho hoạt động nuôi của nông dân. Người nông dân cần mức giá 8,5 USD/kg nhưng hiện họ chỉ có thể nhận về 5,5 USD/kg tôm vì vậy một số hộ cho biết họ sẽ tạm dừng thả lúa mới hoặc thậm chí đóng cửa trang trại.

TIN DOANH NGHIỆP**Thị giá thấp hơn mục tiêu, Eximbank không bán được cổ phiếu quỹ nào**

Theo thông tin công bố trên HOSE, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank - Mã: EIB) đã không bán được bất kỳ cổ phiếu quỹ nào trong số 6,09 triệu cổ phiếu đăng ký bán. Theo lý giải của Eximbank, nguyên nhân khiến ngân hàng không thể bán được cổ phiếu quỹ là do giá thị trường chưa đạt kỳ vọng so với giá mục tiêu. Thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 15/1 đến 7/2, theo phương thức khớp lệnh trên sàn HOSE. Trong giai đoạn này, cổ phiếu EIB được giao dịch trong khoảng từ 18.450 đồng/cp đến 19.950 đồng/cp. Mức giá chốt phiên trung bình là 19,2 đồng/cp.

VietinBank tiếp tục bán đấu giá khoản nợ của Marina Hotel, khởi điểm 698 tỷ đồng

VietinBank chi nhánh Thành An ngày 21/2 có thông báo bán đấu giá khoản nợ của CTCP Khách sạn Bến Du Thuyền (Marina Hotel) – chủ đầu tư dự án Trung tâm bến du thuyền Hoàng Gia (Swisstouches La Luna Resort) tại TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ở lần rao bán thứ 2 trong năm nay, khoản nợ này được VietinBank giảm giá 10% còn hơn 698 tỷ đồng. Tổng dư nợ tính đến hết ngày 16/1/2024 là 646,4 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ gốc gần 496 tỷ đồng, nợ lãi hơn 160 tỷ đồng (lãi trong hạn hơn 155 tỷ đồng, lãi phạt hơn 5 tỷ đồng). Khoản vay được thế chấp bằng 11 tài sản bảo đảm liên quan đến dự án nói trên. Trước đó vào năm 2018, VietinBank Thành An đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ vốn 750 tỷ đồng cho Marina Hotel.

Haxaco chia cổ tức và thưởng cổ phiếu tổng tỷ lệ 18%

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (Haxaco - Mã: HAX) vừa công bố một số tờ trình lấy ý kiến cổ đông trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 sẽ diễn ra vào ngày 23/3 sắp tới. Trong đó, công ty bán lẻ ô tô dự kiến trích 28 tỷ đồng để chia cổ tức bằng tiền mặt, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền 3% (cổ đông cứ sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 300 đồng). Đồng thời, công ty sẽ trích gần 110 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và gần 31 tỷ đồng từ thặng dư vốn cổ phần để thưởng cổ đông, bằng hình thức phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 15% (cổ đông cứ sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 15 cổ phiếu mới).

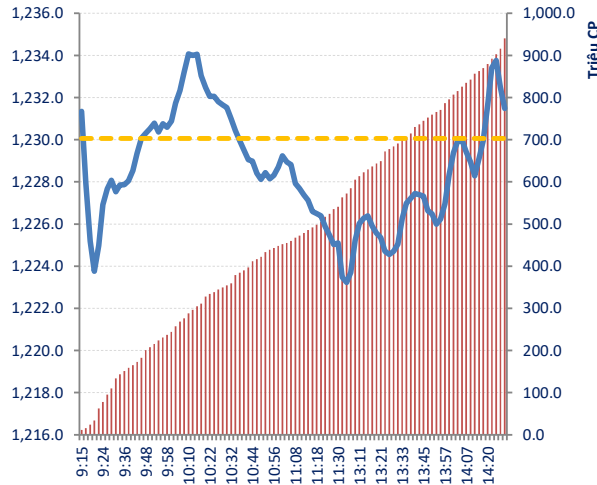
Lợi nhuận PNJ giảm 19% trong tháng 1, vẫn cao nhất 11 tháng

Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (Mã: PNJ) vừa công bố doanh thu thuần trong tháng đầu năm ở mức 3.829 tỷ đồng, giảm hơn 7% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận sau thuế theo đó giảm gần 19% xuống 245 tỷ đồng. Tuy nhiên, tính theo lũy kế, đây vẫn là tháng có lợi nhuận tốt nhất kể từ tháng 2 đến nay và là mức cao thứ 4 trong lịch sử (chỉ thấp hơn các tháng 1/2022, 1/2023 và 2/2023). Doanh nghiệp cho biết nhu cầu mua sắm tại thị trường tiêu dùng Việt Nam giai đoạn đầu năm phụ thuộc vào chu kỳ âm lịch. Kết quả thấp hơn cùng kỳ nằm trong bối cảnh sức mua chưa hồi phục và dịp Tết Nguyên Đán, lễ Thần Tài năm nay rơi vào tháng 2.

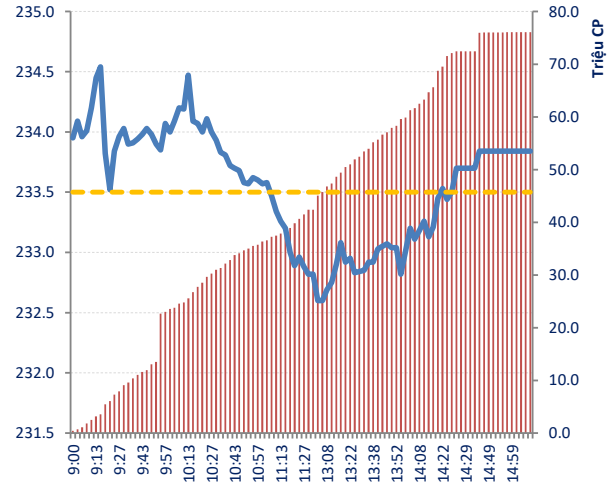


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

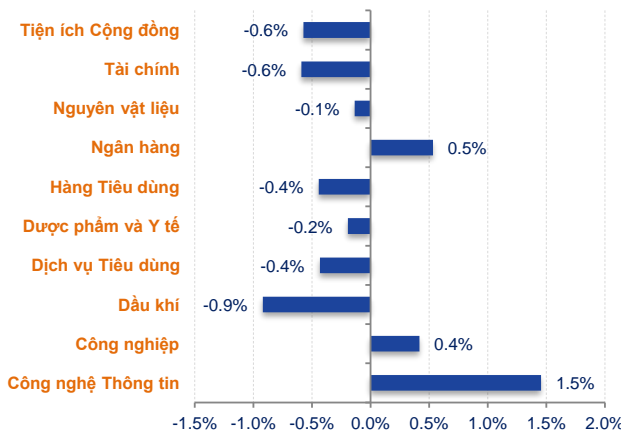
KLGD và VN-Index trong phiên



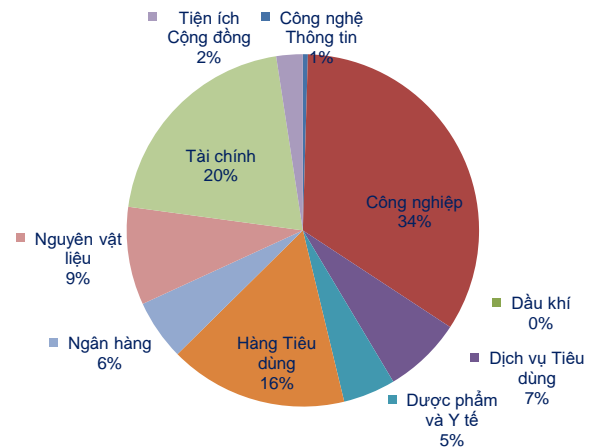
KLGD và HNX-Index trong phiên



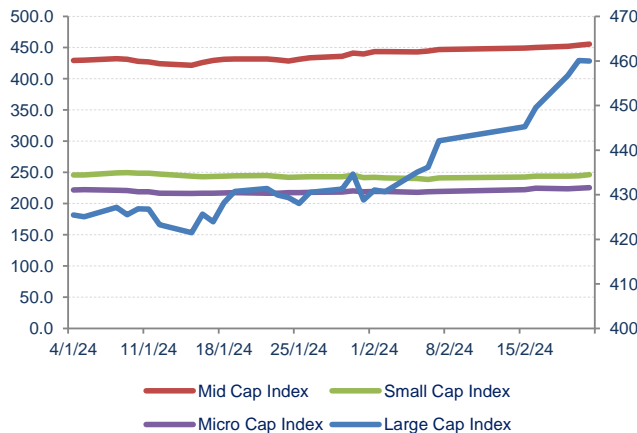
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



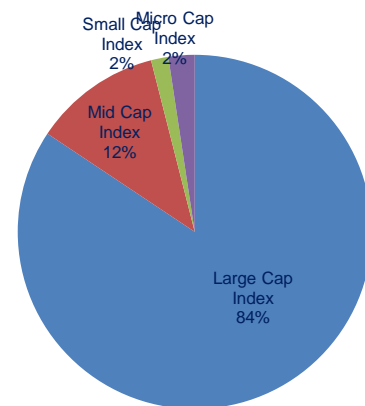
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	30,560,800	HPG	5,119,156	1	TNG	264,200	SHS	1,338,100
2	AAA	7,426,600	GEX	3,375,233	2	DHT	216,900	CEO	810,200
3	STB	6,049,906	NVL	2,866,181	3	DTD	158,900	PVS	532,800
4	TPB	1,880,900	VPB	2,523,100	4	IDC	142,324	MBS	64,400
5	VIX	1,710,091	MWG	2,047,800	5	IDJ	84,200	HUT	37,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.85	11.90	↑ 0.42%	51,480,800	SHS	18.00	17.90	↓ -0.56%	18,570,380
MSB	15.60	15.85	↑ 1.60%	51,045,800	CEO	21.90	21.80	↓ -0.46%	6,221,578
STB	30.70	31.50	↑ 2.61%	45,678,100	PVS	37.30	36.90	↓ -1.07%	5,085,745
VND	23.00	22.60	↓ -1.74%	38,750,500	MBS	27.30	27.00	↓ -1.10%	3,370,436
HPG	29.20	28.80	↓ -1.37%	32,837,600	HUT	19.40	19.20	↓ -1.03%	2,867,751

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUCVREIT	7.30	7.81	0.51	↑ 6.99%	MCO	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
TIP	25.25	27.00	1.75	↑ 6.93%	C69	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
CSV	55.00	58.80	3.80	↑ 6.91%	HVT	62.30	68.50	6.20	↑ 9.95%
TNT	4.78	5.11	0.33	↑ 6.90%	PHN	49.50	54.40	4.90	↑ 9.90%
SRC	26.20	28.00	1.80	↑ 6.87%	CET	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L10	22.90	21.30	-1.60	↓ -6.99%	TMX	9.70	8.80	-0.90	↓ -9.28%
MDG	13.35	12.45	-0.90	↓ -6.74%	L62	3.30	3.00	-0.30	↓ -9.09%
SFC	21.00	19.60	-1.40	↓ -6.67%	SGH	26.60	24.20	-2.40	↓ -9.02%
TTE	11.30	10.60	-0.70	↓ -6.19%	DTG	34.00	31.00	-3.00	↓ -8.82%
MCP	42.55	40.00	-2.55	↓ -5.99%	KTS	44.70	42.00	-2.70	↓ -6.04%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	51,480,800	16.1%	2,064	5.7	0.9
MSB	51,045,800	16.0%	2,322	6.7	1.0
STB	45,678,100	18.3%	4,094	7.5	1.3
VND	38,750,500	13.0%	1,657	13.9	1.7
HPG	32,837,600	6.9%	1,175	24.8	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,570,380	5.7%	688	26.2	1.4
CEO	6,221,578	3.1%	408	53.7	1.8
PVS	5,085,745	6.6%	1,812	20.6	1.3
MBS	3,370,436	12.3%	1,334	20.5	2.4
HUT	2,867,751	0.6%	82	236.9	1.5

Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FUCVREIT	↑ 7.0%	N/A	N/A	N/A	N/A
TIP	↑ 6.9%	11.4%	3,008	8.4	0.9
CSV	↑ 6.9%	14.6%	4,733	11.6	1.7
TNT	↑ 6.9%	3.0%	366	13.1	0.4
SRC	↑ 6.9%	6.7%	1,048	25.0	1.7

Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	↑ 10.0%	0.6%	80	188.1	1.2
C69	↑ 10.0%	1.2%	156	45.0	0.5
HVT	↑ 10.0%	16.0%	6,181	10.1	1.7
PHN	↑ 9.9%	37.5%	7,036	7.0	2.4
CET	↑ 9.8%	0.0%	4	1,202.0	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	30,560,800	16.0%	2,322	6.7	1.0
AAA	7,426,600	4.8%	761	14.3	0.7
STB	6,049,906	18.3%	4,094	7.5	1.3
TPB	1,880,900	13.7%	2,019	9.3	1.3
VIX	1,710,091	11.6%	1,444	12.7	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	264,200	12.9%	1,988	10.5	1.3
DHT	216,900	9.1%	1,147	23.2	2.1
DTD	158,900	19.5%	4,328	6.7	1.2
IDC	142,324	22.6%	4,221	13.2	3.0
IDJ	84,200	5.8%	671	9.2	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	510,284	21.7%	5,910	15.4	3.0
BID	281,602	19.0%	3,781	13.1	2.3
VHM	200,954	20.0%	7,607	6.1	1.1
CTG	189,024	17.0%	3,723	9.5	1.5
VIC	185,448	1.5%	533	91.0	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,414	22.6%	4,221	13.2	3.0
PVS	17,828	6.6%	1,812	20.6	1.3
HUT	17,315	0.6%	82	236.9	1.5
SHS	14,637	5.7%	688	26.2	1.4
THD	13,513	3.0%	470	74.7	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FCN	2.42	-0.3%	(68)	-	0.7
CII	2.37	2.2%	683	28.0	0.7
AGR	2.29	5.9%	679	25.8	1.5
CTS	2.25	9.6%	1,261	24.7	2.3
KSB	2.17	3.9%	1,008	25.6	1.1

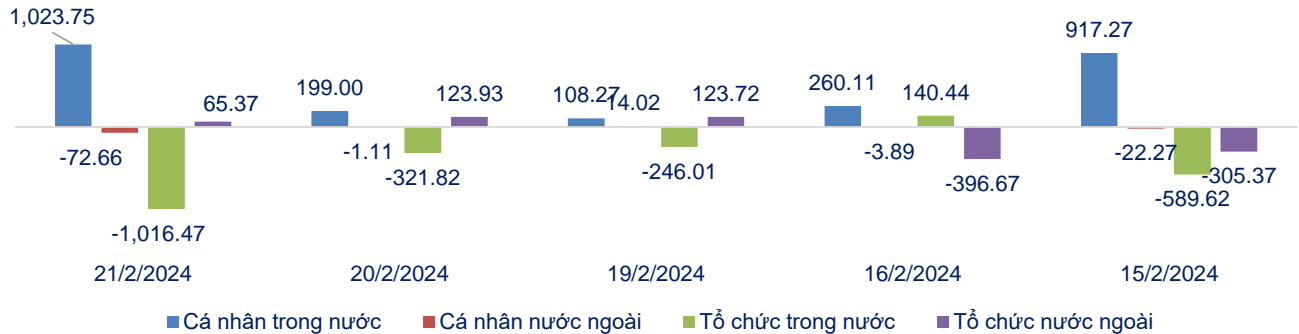
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.48	0.6%	82	236.9	1.5
SHS	2.47	5.7%	688	26.2	1.4
VC7	2.32	3.6%	496	24.8	1.2
MBS	2.24	12.3%	1,334	20.5	2.4
VIG	2.23	9.6%	685	11.2	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	153.36	6.9%	1,175	24.8	1.7
MWG	125.34	0.7%	115	408.4	2.9
PC1	93.26	1.9%	439	65.6	1.2
NVL	85.77	1.8%	413	42.5	0.8
VPB	74.60	8.3%	1,445	13.6	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-136.95	18.3%	4,094	7.5	1.3
BID	-41.24	19.0%	3,781	13.1	2.3
MSB	-35.14	16.0%	2,322	6.7	1.0
CTG	-34.35	17.0%	3,723	9.5	1.5
VCI	-31.83	7.1%	1,127	39.9	2.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	10.25	1.8%	413	42.5	0.8
VHM	7.20	20.0%	7,607	6.1	1.1
VNM	2.92	26.2%	4,248	16.8	4.3
GEX	2.21	1.6%	389	57.8	0.9
BID	0.91	19.0%	3,781	13.1	2.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-49.11	23.4%	5,105	20.4	4.4
STB	-17.08	18.3%	4,094	7.5	1.3
VRE	-6.57	12.4%	1,940	13.1	1.5
CSV	-5.85	14.6%	4,733	11.6	1.7
MSB	-3.33	16.0%	2,322	6.7	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	41.89	10.7%	2,091	16.4	1.8
FUEVFVND	25.28	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	20.49	17.0%	3,723	9.5	1.5
VCI	15.51	7.1%	1,127	39.9	2.7
SAB	14.92	16.4%	3,210	18.3	2.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-414.39	16.0%	2,322	6.7	1.0
PC1	-92.59	1.9%	439	65.6	1.2
AAA	-76.83	4.8%	761	14.3	0.7
MBB	-62.97	23.5%	3,966	6.0	1.3
STB	-54.58	18.3%	4,094	7.5	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	452.85	16.0%	2,322	6.7	1.0
STB	208.61	18.3%	4,094	7.5	1.3
AAA	80.63	4.8%	761	14.3	0.7
FPT	49.10	23.4%	5,105	20.4	4.4
BID	43.69	19.0%	3,781	13.1	2.3

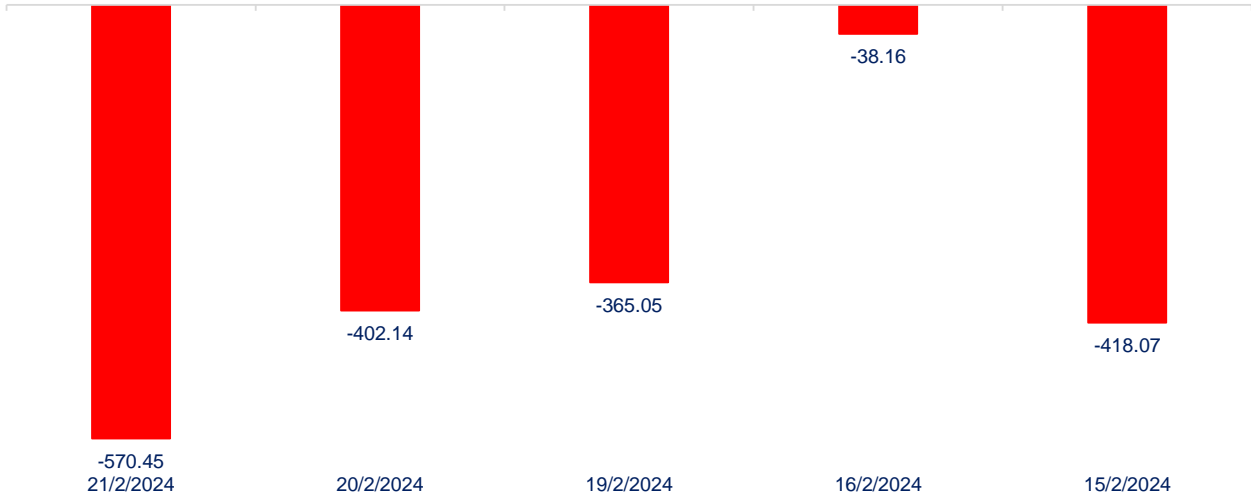
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-147.75	6.9%	1,175	24.8	1.7
MWG	-94.88	0.7%	115	408.4	2.9
GEX	-78.06	1.6%	389	57.8	0.9
NVL	-60.28	1.8%	413	42.5	0.8
DIG	-49.86	2.2%	283	97.1	2.1

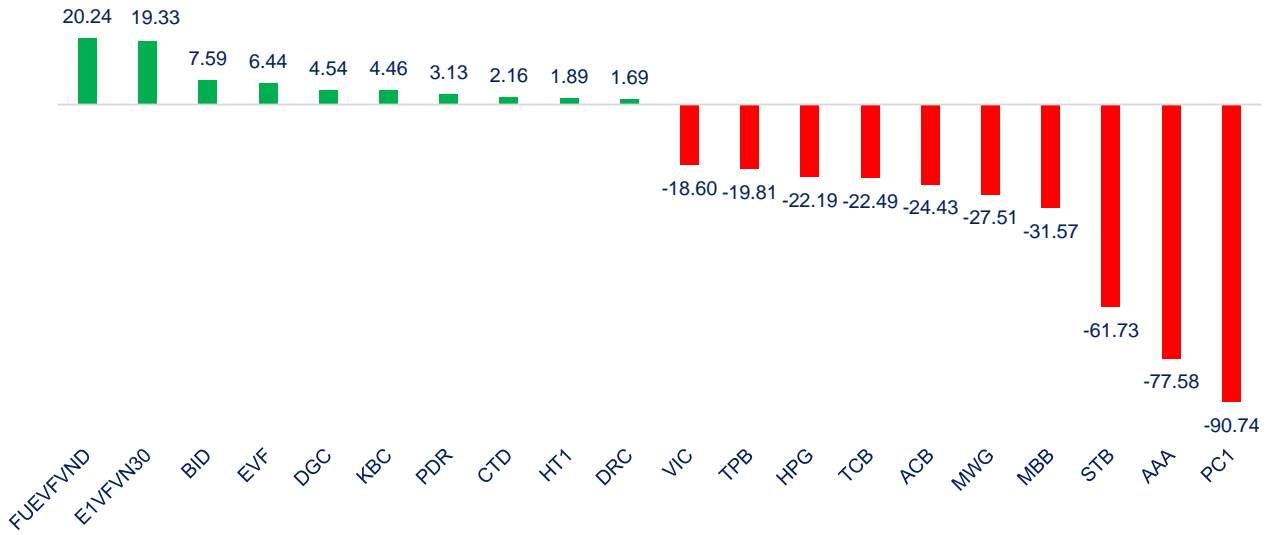


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn